Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8549.99.00

Mã HS	8549.99.00
Mô tả hàng hóa	Phế liệu và phế thải điện và điện tử / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 00:58:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85499900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16173
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16173
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16173
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15525
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15454
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15454
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15454
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15454
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15454
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15454
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15510
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15510

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15510
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15510
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15510
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15510
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15511
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15511
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15511
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15511
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15511
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15511
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15512
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15460
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15468
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15468
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15468
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15468
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15468
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15468
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15508
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15508
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15508
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15508
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15508
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15508
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15570
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15570

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15570
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15570
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15570
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15570
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15544
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15544
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15544
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15544
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15544
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15544
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15547
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15547
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15547
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15547
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15547
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15547
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15553
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15553
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15553
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15553
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15553
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15553
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15552
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15552
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15552
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15552

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15552
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15552
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15541
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15541
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15541
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15541
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15541
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15541
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15541
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15535
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15535
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15535
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15535
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15535
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15535
RCEP B	2022	2022	0	B!D15535
RCEP B	2023	2023	0	B!E15535
RCEP B	2024	2024	0	B!F15535
RCEP B	2025	2025	0	B!G15535
RCEP B	2026	2026	0	B!H15535
RCEP B	2027	2027	0	B!I15535
RCEP C	2022	2022	0	C!D15535
RCEP C	2023	2023	0	C!E15535
RCEP C	2024	2024	0	C!F15535
RCEP C	2025	2025	0	C!G15535
RCEP C	2026	2026	0	C!H15535

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15535
RCEP D	2022	2022	0	D!D15534
RCEP D	2023	2023	0	D!E15534
RCEP D	2024	2024	0	D!F15534
RCEP D	2025	2025	0	D!G15534
RCEP D	2026	2026	0	D!H15534
RCEP D	2027	2027	0	D!I15534
RCEP E	2022	2022	0	E!D15538
RCEP E	2023	2023	0	E!E15538
RCEP E	2024	2024	0	E!F15538
RCEP E	2025	2025	0	E!G15538
RCEP E	2026	2026	0	E!H15538
RCEP E	2027	2027	0	E!I15538
RCEP F	2022	2022	0	F!D15535
RCEP F	2023	2023	0	F!E15535
RCEP F	2024	2024	0	F!F15535
RCEP F	2025	2025	0	F!G15535
RCEP F	2026	2026	0	F!H15535
RCEP F	2027	2027	0	F!I15535
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14494
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14494
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14494
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14494

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8549.99.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8549.99.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8549.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8549.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16173), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.